****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc***

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
***Independence – Freedom – Happiness***

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ, ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ**

**CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG FPT-CA**

**REQUEST FOR TERMS AND CONDITIONS FOR REGISTRATION AND USE OF FPT-CA PUBLIC DIGITAL SIGNATURE CERTIFICATION SERVICE**

*Số/Number ……………………..…./FPTeServices*

**A. ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ/ *SERVICE REGISTRATION AND USE REQUEST***

**I. THÔNG TIN NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG FPT-CA / *INFORMATION ABOUT THE PUBLIC DIGITAL SIGNATURE AUTHENTICATION SERVICE PROVIDER FPT-CA***

**Tên công ty/*Company Name*:** CÔNG TY TNHH FPT IS/ *FPT IS CO., LTD* (“FPT-CA”)

Địa chỉ trụ sở chính/ ***Headquarters Address***: Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *No. 10 Pham Van Bach Street, Dich Vong Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.*

Mã số thuế/ ***Tax Code***: 0104128565 Hotline: 19006625 Email: [hotroca@fpt.com](mailto:hotroca@fpt.com)

**II. THÔNG TIN BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (Gọi tắt là “Khách hàng”)/ *INFORMATION OF THE SERVICE USER (Referred to as the “Customer”)***

Tên giao dịch đầy đủ\*/ Full Trading Name\*:

Mã số thuế\*/ Tax Code\*:

Số quyết định thành lập/Giấy phép ĐKKD([[1]](#footnote-2))/ Number of establishment Decision Number/Business Registration Certificate(1):

Mã Khách hàng/*Customer ID(1):*

Địa chỉ\*/ Address\*:

Người đại diện\*/ *Representative*\*:

Chức vụ/ *Position*:

(Theo giấy ủy quyền số/ According to the power of attorney number:……………………………….

Số CCCD/Hộ chiếu\*/ ID/Passport Number\*:……………………

Ngày cấp\*/ Date of Issue\*: ……………………Nơi cấp\*/ Place of Issue\*:

\*\* Trường hợp khách hàng là cá nhân thuộc tổ chức/doanh nghiệp cần bổ sung Danh sách cá nhân cấp chứng thư chữ ký số trong tổ chức/doanh nghiệp theo biểu mẫu đính kèm/ *In case the customer is an individual within an organization/company, a list of individuals authorized to receive the digital signature certificate within the organization/company must be attached using the attached form.*

**III**. **Thông tin đăng ký dịch vụ FPT-CA/ *FPT-CA Service Registration Information:***

*(Khách hàng vui lòng lựa chọn và điền thông tin vào các dịch vụ dưới theo nhu cầu/Please select and fill in information for the services below according to your needs)*

**1. Đăng ký cấp chứng thư chữ ký số/ *Digital Signature Certificate Registration*:**

**a. Đối tượng xin cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số từ xa/ *Service subject for digital signature certification under remote signing model*:** Cá nhân thuộc tổ chức/ *Individual within an organization*

**b. Loại dịch vụ/*Service Type*:**  Cấp mới/*New registration*  Gia hạn /*Renewal*

**c. Thời hạn sử dụng/ *Service Duration*:** 1 năm/ *1 year*

*(Ngày bắt đầu sử dụng dịch vụ tính từ ngày khách hàng được cấp/gia hạn Chứng thư chữ ký số FPT-CA/ Service start date is counted from the date the customer is issued/renewed the FPT-CA Digital Signature Certificate)*

**2. Đăng ký Tạm khóa/ *Request for Temporary Lock* /Gỡ bỏ tạm khóa/ *Unlock* /Hủy bỏ/ *Cancel*:**

**a. Loại yêu cầu/*Request Type*:**

Tạm khóa/*Temporary lock*  Gỡ bỏ tạm khóa/*Unlock*   Hủy bỏ/*Cancel*

**b. Lý do yêu cầu/ *Reason for Request*:**

**c. Thời gian tạm dừng/ *Suspension Period* (*trong trường hợp tạm dừng dịch vụ/ in case of service suspension*):** Từ\*/ *From*:……………………………….đến\*/ to\*:

*(FPT-CA sẽ thực hiện khôi phục lại dịch vụ khi kết thúc thời gian tạm dừng nêu trên/ FPT-CA will resume service when the suspension period ends)*

**3. Thay đổi thông tin/ *Information Change*:**

**a. Thay đổi thông tin doanh nghiệp/*Organization/Company Information Change***

Tên tổ chức, doanh nghiệp/*Organization/Company Name*

Địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp*/Organization/Company Address*

**Thông tin cũ/*Old Information*:**

**Thông tin thay đổi/*Updated Information*:**

**b. Thay đổi thông tin cá nhân/** ***Personal Information Change***

Họ và tên\*/*Full name\**:

Số GTTT\*/ *ID/Passport Number\**:

Chức vụ/*Position*  Số điện thoại/*Phone Number*  Email

Phương thức nhận xác thực OTP*/ Method of receiving OTP authentication* (SMS/Email)(3)

**Thông tin cũ/*Old Information*:**

**Thông tin thay đổi/*Updated Information*:**

**4.** **Thông tin người được ủy quyền giao nhận hồ sơ của Khách hàng với Techcombank, FPT-CA/** ***Information Of Person Authorized To Submit And Receive The Customer's Documents To Techcombank, FPT-CA*:**

Họ và tên/*Full Name*\*:…………………………………Ngày sinh/*DOB*:…………………………….

Chức vụ/*Position*:

Số CCCD/Hộ chiếu\*/ID/Passport Number\*:……………………

Ngày cấp\*/Date of Issue\*: ……………………Nơi cấp\*/Place of Issue\*:

Địa chỉ nhận lại Hồ sơ/ Đề nghị/*Address*\*[[2]](#footnote-3):

Số điện thoại/*Phone Number*:\*:..………………………………………………………………………

Nội dung ủy quyền/*Scope of the Power of Attorney*\*: Giao nhận hồ sơ/*Submit and receive document*

Hiệu lực từ ngày/*Effective from date*\*:……………  đến ngày/*until date*………………………

đến ngày có đăng ký mới thay thế/thông báo hủy ủy quyền/*until another date/notification of cancellation of the Power of Attorney*

**B. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG DỊCH VỤ/ *TERMS AND CONDITIONS OF SERVICE USE*:**

Nội dung của bản Điều kiện và Điều khoản sử dụng Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FPT (FPT-CA) (“Điều khoản sử dụng Dịch vụ”) dưới đây tạo thành một Thỏa thuận sử dụng dịch vụ ràng buộc về mặt pháp lý giữa Công ty TNHH FPT IS (“FPT”) với Khách hàng. Khi Khách hàng sử dụng Dịch vụ FPT-CA (như được định nghĩa dưới đây) có nghĩa là Khách hàng đã chấp nhận các điều khoản và điều kiện dưới đây và chịu sự ràng buộc phải tuân thủ bởi các điều khoản và điều kiện đó. Khách hàng có trách nhiệm xem xét và đọc kỹ nội dung của Điều khoản sử dụng Dịch vụ này. Nếu Khách hàng không đồng ý với các quy định trong Điều khoản sử dụng Dịch vụ thì nên chấm dứt việc đăng ký và sử dụng Dịch vụ.

*The contents of this FPT Public Digital Signature Authentication Service Terms and Conditions (FPT-CA) ("Service Terms and Conditions") below form a legally binding Service Agreement between FPT IS Co., Ltd (“FPT”) and the Customer. By using the FPT-CA Service (as defined below), the Customer agrees to and is bound to comply with the following terms and conditions. The Customer is responsible for carefully reviewing and reading the content of these Service Terms and Conditions. If the Customer does not agree with the provisions in the Service Terms and Conditions, they should terminate the registration and use of the Service.*

# Định nghĩa và Giải thích từ ngữ/ *Article 1. Definitions and Interpretation of Terms*

* 1. "Chữ ký số" là chữ ký điện tử sử dụng thuật toán khóa không đối xứng, gồm khóa bí mật và khóa công khai, trong đó khóa bí mật được dùng để ký số và khóa công khai được dùng để kiểm tra chữ ký số. Chữ ký số bảo đảm tính xác thực, tính toàn vẹn và tính chống chối bỏ nhưng không bảo đảm tính bí mật của thông điệp dữ liệu.

*“Digital signature” is an electronic signature that uses an asymmetric key algorithm, consisting of a private key and a public key. The private key is used for signing, and the public key is used for verifying the digital signature. The digital signature ensures authenticity, integrity, and non-repudiation but does not guarantee the confidentiality of the data message*

* 1. "Chứng thư chữ ký số" là thông điệp dữ liệu nhằm xác nhận cơ quan, tổ chức, cá nhân được chứng thực là người ký chữ ký số.

*"Digital signature certificate" is a data message used to verify that the agency, organization, or individual has been authenticated as the signer of the digital signature.*

* 1. “Dịch vụ FPT-CA” hoặc “Dịch vụ” có nghĩa là dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do FPT cung cấp.

*“FPT-CA Service” or “Service” means the public digital signature authentication service provided by FPT.*

# Chức năng của chữ ký số và Điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số/ *Article 2. Functions of digital signatures and conditions for ensuring security for digital signatures*

* 1. Chức năng của chữ ký số / *Functions of digital signatures*
     1. Cho phép người dùng ký số lên văn bản (.pdf, .xml), file Microsoft office, phần mềm, …

*Allows users to digitally sign documents (.pdf, .xml), Microsoft office files, software, ...*

* + 1. Cho phép các cơ quan, tổ chức, ngân hàng, …ký số, xác thực phản hồi kết quả giao dịch điện tử cho Khách hàng.

*Allows agencies, organizations, banks, ... to digitally sign, authenticate, and respond to electronic transaction results to customers*

* + 1. Đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu sau khi được ký số và gửi đi trên đường truyền internet

*Ensure data integrity after being digitally signed and sent over the internet*

* + 1. Đảm bảo tính xác thực dữ liệu.

*Ensure data authenticity*

* + 1. Đảm bảo tính chống chối bỏ.

*Ensure non-repudiation*

* + 1. Đảm bảo tính bảo mật dữ liệu.

*Ensure data security*

* 1. Điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số/ *Conditions to ensure the security of digital signatures*:
     1. Chữ ký số được tạo ra trong thời gian Chứng thư chữ ký số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên Chứng thư chữ ký số đó;

*The digital signature is generated during the validity of the Digital signature certificate and is verifiable by the public key recorded on the Digital signature certificate*

* + 1. Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên Chứng thư chữ ký số do FPT cấp;

*The digital signature is created by using the secret key corresponding to the public key recorded on the Digital signature certificate issued by FPT*

* + 1. Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.

*The private key is only under the control of the signer at the time of signing*

# Mức độ bảo mật/ *Article 3. Security level*

* 1. Hệ thống phân phối khóa cho Khách hàng đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khóa. Trong trường hợp phân phối khóa thông qua môi trường mạng máy tính thì hệ thống phân phối khóa phải sử dụng các giao thức bảo mật đảm bảo không lộ thông tin trên đường truyền.

*The key distribution system for the Client ensures the integrity and security of the key pair. In the case of key distribution through a computer network environment, the key distribution system must use security protocols to ensure that no information is disclosed on the transmission channel*

* 1. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian Chứng thư chữ ký số của mình có hiệu lực và cả trong trường hợp bị tạm dừng.

Customers are responsible for using their private keys securely and confidentially during the validity of their Digital signature certificates and in case of suspension.

# Tạm dừng, thu hồi Chứng thư chữ ký số/ *Article 4. Suspension and revocation of Digital signature certificates*

* 1. Chứng thư chữ ký số cấp cho Khách hàng bị tạm dừng trong các trường hợp sau:

*The Digital signature certificate issued to the Customer is suspended in the following cases:*

* + 1. Khi Khách hàng yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này đã được FPT xác minh là chính xác;

*When the Customer requests in writing and this request has been verified by FPT to be correct;*

* + 1. Khi FPT phát hiện ra bất cứ sai sót nào có ảnh hưởng đến quyền lợi của Khách hàng;

*When FPT discovers any errors that affect the interests of the Customer;*

* + 1. Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

*At the request of the procedure-conducting agency, the police agency or a competent State agency.*

Khi có căn cứ tạm dừng Chứng thư chữ ký số, FPT sẽ tiến hành tạm dừng, đồng thời, thông báo ngay cho Khách hàng về việc tạm dừng, thời gian bắt đầu và kết thúc việc tạm dừng.

*When there is a ground to suspend the Digital signature certificate, FPT will suspend and immediately notify the Customer of the suspension, the start and end time of the suspension.*

FPT sẽ phục hồi Chứng thư chữ ký số khi không còn căn cứ để tạm dừng Chứng thư chữ ký số hoặc thời hạn tạm dừng theo yêu cầu đã hết.

*FPT will restore the Digital signature certificate when there are no more grounds to suspend the Digital signature certificate or the requested suspension period has expired.*

* 1. Chứng thư chữ ký số cấp cho Khách hàng bị thu hồi trong các trường hợp sau:

*The Digital signature certificate issued to the Customer is revoked in the following cases:*

* + 1. Khi Khách hàng yêu cầu bằng văn bản và yêu cầu này đã FPT xác minh là chính xác;

*When the Customer requests in writing and this request has been verified by FPT to be correct;*

* + 1. Khi thuê bao là cá nhân đã chết hoặc mất tích theo tuyên bố của tòa án hoặc thuê bao là tổ chức giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

*When the subscriber being an individual is dead or missing as declared by the court or the subscriber is an organization that is dissolved or bankrupt in accordance with the law;*

* + 1. Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

*At the request of the procedure-conducting agency, the police agency or a competent State agency.*

Khi có căn cứ thu hồi Chứng thư chữ ký số, FPT sẽ thu hồi Chứng thư chữ ký số, đồng thời thông báo ngay cho Khách hàng

*When there is a basis to revoke the Digital signature certificate, FPT will revoke the Digital signature certificate and immediately notify the Customer.*

# Quyền và trách nhiệm của Khách hàng/ *Article 5. Rights and responsibilities of the Client*

* 1. Đọc, hiểu, tuân thủ các thủ tục đăng ký, trình tự giao dịch và các quy định, hướng dẫn sử dụng và Điều khoản sử dụng Dịch vụ này này trước khi sử dụng Dịch vụ FPT-CA.

*Read, understand and comply with registration procedures, transaction order and these regulations, user manuals and Terms of Service before using FPT-CA Services.*

* 1. Cung cấp các thông tin, tài liệu phù hợp cho việc sử dụng sản phẩm và dịch vụ theo yêu cầu một cách trung thực, chính xác cho FPT, đảm bảo về tính hợp pháp của các tài liệu, thông tin và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thiệt hại xảy ra nếu vi phạm quy định này.

*Provide information and documents suitable for the use of products and services upon request honestly and accurately for FPT, ensure the legality of documents and information and take self-responsibility before the law on damage caused if violating this provision.*

* 1. Có nghĩa vụ bảo quản và sử dụng tài khoản Dịch vụ/khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian Chứng thư chữ ký số có hiệu lực và kể cả trong thời gian bị tạm dừng.

*Have the obligation to preserve and use their Service account/secret key in a safe and confidential manner during the validity period of the Digital signature certificate and even during the suspension period.*

* 1. Thông báo trong vòng 24 giờ cho FPT yêu cầu tạm dừng/thu hồi tài khoản Dịch vụ/khóa bí mật nếu nghi ngờ hay biết rằng tài khoản Dịch vụ/khóa bí mật, thiết bị lưu trữ khóa bí mật (nếu có) đã bị mất/lộ hoặc bị sử dụng trái phép.

*Notify FPT within 24 hours of requesting to suspend/revoke the Service account/secret key if it is suspected or known that the Service account/secret key, secret key storage device (if any) has been disabled, lost/disclosed or illegally used.*

* 1. Tuân thủ các quy định pháp luật về cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng khi được yêu cầu, chịu trách nhiệm trước pháp luật và FPT về mọi thiệt hại xảy ra nếu sử dụng/quản lý tài khoản dịch vụ/khóa bí mật không phù hợp.

*Comply with the legal regulations on providing information to the authorities when required, take responsibility before the law and FPT for any damage that occurs if using/managing service accounts/secret keys Inappropriate password.*

* 1. Cam kết tuân thủ các chính sách của FPT liên quan đến việc sử dụng dịch vụ và vì mục đích đảm bảo chất lượng dịch vụ và an toàn cho thông tin của Khách hàng.

*Commitment to comply with FPT's policies related to the use of services and for the purpose of ensuring service quality and safety of Customer's information.*

* 1. Có quyền yêu cầu FPT tạm dừng hoặc chấm dứt sử dụng dịch vụ và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.

*Have the right to request FPT to suspend or terminate the use of the service and be solely responsible for such request.*

# Quyền và trách nhiệm của FPT/ *Article 6. Rights and responsibilities of FPT*

* 1. Đảm bảo cung cấp Dịch vụ theo quy chuẩn kỹ thuật và đầy đủ các tính năng như đã cam kết, đáp ứng các điều kiện an toàn theo quy định pháp luật.

*Ensure to provide Services according to technical regulations and full features as committed, meeting safety conditions as prescribed by law.*

* 1. Tạo khóa và phân phối khóa cho thuê bao:

*Key generation and key distribution to subscribers:*

* + 1. Khách hàng đề nghị cấp Chứng thư chữ ký số có thể tự tạo cặp khóa hoặc yêu cầu FPT bằng văn bản tạo cặp khóa cho mình.

*Customers applying for Digital signature certificates can create their own key pairs or request FPT in writing to create their own key pairs.*

* + 1. Đảm bảo sử dụng các phương thức an toàn để chuyển giao khóa bí mật đến thuê bao và chỉ được lưu bản sao của khóa bí mật khi Khách hàng đề nghị cấp Chứng thư chữ ký số có yêu cầu bằng văn bản.

*Make sure to use secure methods to transfer the secret key to the subscriber and save a copy of the secret key only when the Customer requests a Digital signature certificate with a written request.*

* + 1. Đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo và chuyển giao Chứng thư chữ ký số cho Khách hàng.

*Ensure safety during the process of creating and transferring Digital signature certificates to customers.*

* + 1. Sử dụng thiết bị, phần mềm theo đúng tiêu chuẩn quy định để khởi tạo và lưu trữ cặp khóa.

*Use equipment and software in accordance with prescribed standards to generate and store key pairs.*

* 1. Đảm bảo việc sử dụng Dịch vụ của Khách hàng liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của Chứng thư chữ ký số và việc kiểm tra trạng thái Chứng thư chữ ký số của thuê bao là liên tục.

*Ensure that the Customer's use of the Service is continuous and uninterrupted during the validity period of the Digital signature certificate and the checking of the subscriber's Digital signature certificate status is continuous.*

* 1. Giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù xảy ra cho Khách hàng trong trường hợp lỗi được xác định của FPT.

*Settle the risks and compensations that occur to the Customer in the event of FPT's identified fault.*

* 1. Có trách nhiệm bảo mật những thông tin liên quan đến Khách hàng và chỉ sử dụng những thông tin này vào mục đích liên quan đến Dịch vụ, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc theo quy định của pháp luật.

*Be responsible for keeping the information related to the Customer confidential and only using this information for the purposes related to the Service, unless otherwise agreed or prescribed by law.*

* 1. Đảm bảo an toàn và tính xác thực trong suốt quá trình tạo và chuyển giao tài khoản Dịch vụ/Chứng thư chữ ký số cho Khách hàng. Bảo mật toàn bộ quá trình tạo tài khoản Dịch vụ/cặp khoá cho Khách hàng.

*Ensure safety and authenticity throughout the process of creating and transferring Service accounts/Digital signature certificates to Customers. Secure the entire process of creating Service accounts/key pairs for Customers.*

* 1. Đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin yêu cầu tạm dừng/thu hồi tài khoản dịch vụ Dịch vụ/Chứng thư chữ ký số hoạt động 24 giờ trong ngày, tất cả các ngày trong năm.

*Ensure that the channel to receive information requesting suspension/revoking of service accounts/services/Digital signature certificates operates 24 hours a day, all days of the year.*

* 1. Thông báo ngay cho Khách hàng, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của Khách hàng.

*Immediately notify the Customer, and apply timely preventive and remedial measures in case of detecting signs that the secret key has been exposed, no integrity or any other errors that threaten to adversely affect the interests of the Customer.*

* 1. Khuyến cáo cho Khách hàng việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa.

*It is recommended to the Customer to change the key pair when necessary to ensure the highest reliability and security for the key pair.*

* 1. Trường hợp phải tạm dừng cung cấp Chứng thư chữ ký số mới, trong thời gian tạm dừng, FPT có trách nhiệm duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến Chứng thư chữ ký số đã cấp.

*In case the provision of new Digital signature certificates must be temporarily suspended, during the pause, FPT is responsible for maintaining the database system related to the issued Digital signature certificates.*

* 1. Trường hợp bị thu hồi giấy phép, FPT phải thông báo ngay cho Khách hàng về việc ngừng cung cấp dịch vụ của mình và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của Khách hàng.

*If the license is revoked, FPT must immediately notify the Customer of the termination of its service provision and information about the organization receiving its database to ensure the benefits of using the service of the Customer.*

# Rủi ro và miễn trừ trách nhiệm/ *Article 7. Risks and disclaimers*

FPT cam kết cung cấp Dịch vụ tốt nhất và cố gắng giảm thiểu các rủi ro có thể gặp phải về kỹ thuật cho Khách hàng. FPT không chịu trách nhiệm về những rủi ro, thiệt hại của Khách hàng khi Khách hàng sử dụng Dịch vụ do những rủi ro sau:

*FPT is committed to providing the best Service and trying to minimize the possible technical risks for Customers. FPT is not responsible for the risks and damages of the Customer when the Customer uses the Service due to the following risks:*

* 1. Khách hàng vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều 5 bản Điều khoản sử dụng Dịch vụ này;

*Customer violates the obligations specified in Article 5 of these Terms of Service;*

* 1. Lỗi hệ thống phần cứng, phần mềm không hoạt động hoặc hoạt động không đúng chức năng thiết kế do các yếu tố bất khả kháng gây ra như lũ lụt, hỏa hoạn, thiên tai, chập điện, hư hỏng tự nhiên …;

*Failure of the hardware or software system to work or not to function properly due to force majeure factors such as floods, fires, natural disasters, electric shocks, natural damage...;*

* 1. Nguy cơ ngưng trệ hoạt động của hệ thống mạng do lỗi đường truyền Internet… của nhà cung cấp dịch vụ gặp sự cố kỹ thuật hoặc quá tải.

*The risk of downtime of the network system due to the failure of the Internet connection... of the service provider having technical problems or overloading.*

# Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp/ *Article 8. Applicable law and dispute settlement*

* 1. Điều kiện, điều khoản Dịch vụ này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

*These Terms and Conditions of Service are governed by the laws of Vietnam.*

* 1. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh tranh chấp, hai bên sẽ chủ động giải quyết trên cơ sở thương lượng, hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định pháp luật để giải quyết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*During the implementation process, if a dispute arises, the two parties will actively resolve it on the basis of negotiation and conciliation. In case of failure to settle, the dispute will be brought to a competent court in accordance with law for settlement, unless otherwise provided for by law.*

# Điều khoản cuối cùng/ *Article 9. Final Terms*

* 1. Các vấn đề chưa được quy định tại Điều kiện, điều khoản này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc các cam kết/thỏa thuận có hiệu lực khác giữa các bên.

*Matters not specified in these Terms and Conditions will be implemented in accordance with the law, the guidance of the competent State agency and/or other effective commitments/agreements between the parties.*

* 1. Khách hàng đã đọc, hiểu, nhất trí và cam kết thực hiện đúng các quy định tại Điều kiện và Điều khoản sử dụng Dịch vụ này.

*The Customer has read, understood, agreed to and committed to comply with the provisions of these Terms and Conditions of Service.*

* 1. Điều kiện, điều khoản này có hiệu lực kể từ ngày Khách hàng thực hiện đăng ký và sử dụng Dịch vụ FPT-CA.

*These terms and conditions take effect from the date the Customer registers and uses the FPT-CA Service*

Bằng việc xác nhận dưới đây, Khách hàng đồng ý cho **Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam** sử dụng và chia sẻ thông tin, hồ sơ của Khách hàng bao gồm thông tin thiết bị sử dụng để ký số cho Nhà cung cấp chứng thư chữ ký số để đăng ký và tạo lập Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số từ xa cho Khách hàng để sử dụng trong các giao dịch với **Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam** và xin xác nhận:

*By confirming below, the Customer agrees to allow Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank to use and share the Customer's information and documents, including the information of the device used for digital signing, with the Certificate Authority for the purpose of registering and establishing public digital signature authentication services according to the remote signing model for the Customer's use in transactions with Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank and confirm:*

* *Khách hàng yêu cầu FPT tạo cặp khóa cho Khách hàng. Trong trường hợp này, FPT đảm bảo chuyển giao/lưu trữ khóa bí mật đến Khách hàng một cách an toàn.*

*The Customer requests FPT to create the key pair for the Customer. In this case, FPT ensures the secure transfer/storage of the private key to the Customer.*

* *Khách hàng đồng ý ủy quyền cho ông/bà có tên tại mục III.4 tiếp nhận bàn giao hồ sơ đăng ký dịch vụ.*

*The Customer agrees to authorize the individual named in section III.4 to receive the service registration documents on their behalf.*

* *Những thông tin đưa ra trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác*

*The information provided above is complete, truthful, and accurate*

* *Khách hàng xác nhận ông/bà có tên tại Danh sách cá nhân cấp chứng thư chữ ký số trong tổ chức/doanh nghiệp theo biểu mẫu đính kèm hiện đang giữ chức vụ như thông tin đã kê khai.*

*The Customer confirms that Mr/Mrs is listed in the individual list for issuing digital signature certificates within the organization/enterprise, according to the attached form, and is currently holding the position as declared.*

*- Đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết tuân thủ: (i) Các điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ, (ii) Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân được công bố trên website:* [*http://dichvudientu.fpt.com.vn*](http://dichvudientu.fpt.com.vn)*.*

*The Customer has read, understood, agreed, and committed to complying with: (i) The terms and conditions of service usage, (ii) The personal data privacy policy published on the website:* <http://dichvudientu.fpt.com.vn>

*- Khách hàng đồng ý sử dụng Dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số từ xa do FPT-CA cung cấp để ký điện tử sử dụng trong các giao dịch với Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng dịch vụ này để ký số văn bản điện tử, hợp đồng điện tử.*

*The Customer agrees to use the public digital signature authentication service under the remote signing model provided by FPT-CA for electronic signing in transactions with Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank and fully takes responsibility for using this service to electronically sign documents and electronic contracts.*

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG**  ***CUSTOMER REPRESENTATIVE***  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)*  *(Sign, clearly print full name, stamp if applicable)* | ***Ngày*** *…….* ***tháng*** *…….* ***năm*** *…….*  **Date: …… month …… year ……**  **ĐẠI DIỆN FPT-CA**  ***FPT-CA REPRESENTATIVE***  *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*  *(Sign, clearly print full name, stamp)* |
|  |  |

**DANH SÁCH CHI TIẾT THUÊ BAO**

**ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG THƯ CHỮ KÝ SỐ FPT-CA**

***DETAILED LIST OF SUBSCRIBERS REGISTERING FOR FPT-CA DIGITAL SIGNATURE CERTIFICATE ISSUANCE***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT**  ***No****.* | **Tên thuê bao**  ***Subscriber Name*** | **CCCD/Hộ chiếu**  ***ID/Passport Number*** | **Email** | **Số điện thoại**  ***Phone Number*** | **Chức vụ**  ***Position*** | **Phương thức nhận xác thực OTP**  ***OTP Authentication Method***  **(SMS/Email)(3)** | **Xác nhận của Cá nhân thuộc Tổ chức/Doanh nghiệp**  **(Ký tên, ghi rõ họ tên)**  ***Confirmation by Individual of Organization/Enterprise (Signature, full name)*** |
| ***1*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***3*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***4*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***5*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***6*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***7*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***8*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***9*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***10*** |  |  |  |  |  |  |  |

**(2)** *Chỉ áp dụng với Khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ F@st Ebank/* *Only applicable to customers who register to use the F@st EBank service*

1. () Chỉ bắt buộc điền trường này nếu Khách hàng không có Mã số thuế/ *This field is only required if the customer does not have a Tax* Code [↑](#footnote-ref-2)
2. Khách hàng chỉ điền trường này trong trường hợp khách hàng cung cấp 2 bản Đề nghị và có nhu cầu nhận lại 1 bản Đề nghị/ *Only fill in this field in case Customer provides 2 copies of the form and want to receive 1 copy in return* [↑](#footnote-ref-3)